

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST.

Ngày: 08 /10/2019

V/v: “Kiện tranh chấp hợp
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2017/TLST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ MP (Công ty MP).

Địa chỉ: Số 28/16 đường 32, K 7, phường LĐ, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1971 (có mặt).

Trú tại: Số 28/16 đường 32, K 7, phường LĐ, quận TĐ, thành phố Hồ Chí Minh –
Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2017).

- *Bị đơn:*

1. Bà Dương Thị Bích T, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 17, xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Lê Xuân V1. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ du lịch N (Công ty N).

Địa chỉ: Thôn 17, xã HĐ, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bảo TH, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T1, xã E, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

Là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Giám đốc công ty N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn V trình bày:

Từ ngày 04/10 đến ngày 08/10 năm 2014, Công ty MP có bán cho vợ chồng bà Dương Thị Bích T, Lê Xuân V1 mặt hàng phân bón. Hai bên không thiết lập hợp đồng mua bán bằng văn bản mà chỉ giao dịch bằng miệng, qua điện thoại. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty MP và bà Dương Thị Bích T gặp nhau đối chiếu công nợ thì bà T thừa nhận còn nợ Công ty MP số tiền 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng) tiền mua phân còn thiếu và cam kết đến tháng 02/2015 sẽ trả hết. Sau đó nhiều lần bà T hứa trả nợ cho Công ty MP và lần cuối cùng bà T cam kết sẽ trả nợ cho công ty MP vào ngày 09/01/2016. Nhưng từ đó đến nay bà T vẫn không chịu trả nợ cho Công Ty MP như đã cam kết.

Tại giấy đối chiếu công nợ phải thu do bà T xác nhận ngày 31/12/2014 thể hiện tên khách hàng là Công ty TNHH TM DV DL N (chị T). Tuy nhiên trên thực tế giữa Công Ty MP và Công ty N không có làm ăn mua bán với nhau mà Công ty

MP chỉ bán trực tiếp mặt hàng phân bón cho vợ chồng bà Dương Thị Bích T và ông Lê Xuân V1. Vì vậy công ty MP không khởi kiện công ty N mà chỉ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông V1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu ông Lê Xuân V1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà T trả nợ cho công ty MP. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án do không chứng minh được nghĩa vụ trả nợ của ông Vinh nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Lê Xuân V1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho công ty MP và giữ nguyên các yêu cầu bà Dương Thị Bích T có nghĩa vụ trả công ty MP 598.000.000 đồng và khoản lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày chậm trả 22/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai lập ngày 06/7/2017 bị đơn bà Dương Thị Bích T thừa nhận vào ngày 16 tháng 4 năm 2015 bà T có mua phân bón của Công ty MP và còn nợ lại số tiền 598.000.000 đồng, việc mua bán và nhận hàng do bà T là người trực tiếp mua bán và nhận hàng của Công ty MP, bà cũng là người viết giấy xác nhận công nợ, vì điều kiện khó khăn nên bà chưa trả nợ cho công ty MP như đã cam kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Xuân V1 và đại diện theo pháp luật của Công Ty N là anh Nguyễn Bảo TH để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Vinh, ông Thiện đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên việc giải quyết vụ án còn để kéo dài vi phạm thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn bà Dương Thị Bích T, ông Lê Xuân V1 và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bảo TH đã vi phạm tại các Điều 70, 72 và điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 219, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 428, 438, của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Dương Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ MP 598.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu đồng) tiền mua phân còn thiếu và một khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Lê Xuân V1 liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Toà án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành triệu tập hợp lệ, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Dương Thị Bích T, ông Lê Xuân V1 và đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bảo TH đều vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Dương Thị Bích T, ông Lê Xuân V1 liên đới trả số tiền 598.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xuất phát từ việc mua bán phân bón, cụ thể trong thời gian từ ngày 04/10 đến ngày 08 tháng 10 năm 2014, bà Dương Thị Bích T trực tiếp mua phân bón của công ty MP và còn nợ lại số tiền 598.000.000 đồng là hoàn toàn thực tế, được thể hiện tại bản đối chiếu công nợ lập ngày 31 tháng 12 năm 2014, giấy xác nhận công nợ lập ngày 16/4/2015 và chứng minh qua sự thừa nhận của bị đơn bà Dương Thị Bích T. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Việc bà Dương Thị Bích T

không trả đủ số tiền mua bán phân bón cho Công ty MP là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại khoản 1 Điều 438, BLDS năm 2005.

Tại khoản 1 Điều 438 BLDS 2005 quy định: *“Bên mua phải trả đủ tiền vào thời điểm và địa điểm đã, nếu không có thỏa Thuận thì phải trả đủ tiền vào thời điểm và tại địa điểm giao tài sản”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Xuân V1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút yêu cầu này và chỉ đề nghị một mình bà Dương Thị Bích T có nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu ông Lê Xuân V1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật. Căn cứ Điều 428, khoản 1 Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005, buộc bà Dương Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Công ty MP số tiền 598.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Về lãi suất: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Dương Thị Bích T cam kết sẽ thanh toán nợ cho công ty MP vào ngày 09/01/2016. Tuy nhiên bà T không thực hiện đúng cam kết trả nợ, vì vậy thời điểm chậm trả được tính từ ngày 10/01/2016. Theo quy định tại khoản 2 Điều 438 của BLDS năm 2005 thì bên mua phải trả lãi kể từ ngày chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi tính từ ngày chậm trả 10/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/10/2019 là $1368 \text{ ngày} \times 9\%/\text{năm} \times 598.000.000 \text{ đồng} : 365 \text{ ngày} = 201.714.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm lẻ một triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

Như vậy buộc bà Dương Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho công ty MP tổng số tiền 799.714.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm mười bốn ngàn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 598.000.000 đồng, lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 201.714.000 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ của Công ty N: Tại giấy đối chiếu công nợ phải thu do bà T xác nhận ngày 31/12/2014 thể hiện tên khách hàng là Công ty TNHH TM DV DL N (chị T). Qua kết quả xác minh và tại giấy đăng ký doanh nghiệp thể hiện người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại dịch vụ du lịch N là anh Nguyễn Bảo TH. Trên thực tế giữa Công Ty MP và Công ty N không có làm ăn mua bán với nhau mà Công ty MP chỉ bán trực tiếp mặt hàng phân bón cho bà Dương Thị Bích T, do đó Công ty N không có nghĩa vụ với Công ty MP, mặt khác

Công ty MP không khởi kiện công ty N mà chỉ khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả tiền mua phân bón đối với nguyên đơn nên không xem xét trách nhiệm trả nợ của Công ty N.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bà Dương Thị Bích T phải chịu 35.986.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính $799.714.000 \text{ đồng} \times 5\% = 35.986.000 \text{ đồng}$. Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ MP được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 428, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ MP.

Buộc bà Dương Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ MP tổng số tiền tiền 799.714.000 đồng (Bảy trăm chín mươi chín triệu bảy trăm mười bốn nghìn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 598.000.000 đồng, lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 201.714.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Buộc bà Dương Thị Bích T phải chịu 35.986.000 đồng (Ba mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư thương mại dịch vụ MP được nhận lại

12.475.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm bảy lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0002210 ngày 07 tháng 6 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A DS huyện KP;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Long